

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền T;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến,

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023), giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Số 161 An Lạc 2, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (anh Nguyễn Ngọc Q) trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mai T tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 01 năm 2013. Anh chị chung sống hòa thuận được hơn 02 năm thì mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Đầu năm 2015, do mâu thuẫn căng thẳng chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn G, xã Đ, huyện Tiên Lãng sinh sống. Từ đó đến nay anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể

đoàn tụ, anh Q yêu cầu được ly hôn chị T. Trong thời gian chung sống anh chị không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho chị Nguyễn Thị Mai T; yêu cầu chị T giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Chị T đã biết việc anh Q xin ly hôn chị nhưng chị T không có ý kiến gì, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Anh Q và chị T kết hôn với nhau từ đầu năm 2013. Sau khi kết hôn chị T chung sống với anh Q được 02 năm tại phường S, quận H. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng nên đầu năm 2015, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn G, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng sinh sống, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng. Quá trình chung sống anh chị không có con chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không giao nộp văn bản trình bày ý kiến, không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, xử cho anh Nguyễn Ngọc Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai T. Anh chị không có con chung, không có tài sản chung nên không đề nghị giải quyết. Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn); bị đơn (chị Nguyễn Thị Mai T) có nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (chị T) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc chị T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; không trình bày quan điểm của mình; không giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Nguyên đơn (anh Q) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (chị Nguyễn Thị Mai T) đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh Q phù hợp với tài liệu xác minh tại gia đình, địa phương, thể hiện: Anh Q và chị T tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng từ ngày 08 tháng 01 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận được hơn 02 năm thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm nhau từ năm 2015 đến nay. Như vậy có đủ căn cứ xác định tình trạng vợ chồng anh Q và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho anh Q được ly hôn chị T.

[5]. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc Q, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Q đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006439 ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND phường S, quận H, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 2013);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền T

